

Số: /BC-UBND

Bình Sơn, ngày tháng năm 2024

BÁO CÁO

Kết quả thực hiện chỉ tiêu, nhiệm vụ được giao tại Quyết định số 03/QĐ-BCĐ ngày 07/6/2023 của Trưởng Ban Chỉ đạo Chuyển đổi số tỉnh về Năm dữ liệu số 2023

Kính gửi: Sở Thông tin và Truyền thông.

Thực hiện Quyết định số 03/QĐ-BCĐ ngày 07/6/2023 của Trưởng Ban Chỉ đạo Chuyển đổi số tỉnh Ban hành Kế hoạch thực hiện năm dữ liệu số, tạo lập và khai thác dữ liệu để tạo ra giá trị mới năm 2023 tỉnh Quảng Ngãi; Quyết định số 189/KH-UBND ngày 09/12/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh về Kế hoạch Chuyển đổi số tỉnh Quảng Ngãi năm 2023;

Theo nội dung Công văn số 267/STTTT-BCVT&CNTT ngày 07/02/2024 của Sở Thông tin và Truyền thông về việc cập nhật nội dung Kết quả thực hiện Kế hoạch Năm dữ liệu số, phục vụ phiên họp lần thứ nhất năm 2024 của Ban Chỉ đạo Chuyển đổi số tỉnh và báo cáo kết quả thực hiện chỉ tiêu, nhiệm vụ được giao tại Quyết định số 03/QĐ-BCĐ ngày 07/6/2023 về Năm dữ liệu số 2023, UBND huyện báo cáo như sau:

I. Kết quả giải quyết thủ tục hành chính được số hóa

Tổng hồ sơ tiếp nhận giải quyết TTHC trong năm 2023 là 37.389 hồ sơ trong đó số hóa thành phần hồ sơ khi tiếp nhận là 25.031 hồ sơ đạt 66,95%; tổng hồ sơ trả kết quả giải quyết TTHC năm 2023 là 35.887 hồ sơ, trong đó số hóa kết quả giải quyết được 12.801 hồ sơ đạt 35,67%

II. Nhiệm vụ về lĩnh vực thông tin và truyền thông đối với xã đạt chuẩn nông thôn mới và xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao

1. Đối với xã Bình An (xã đạt chuẩn nông thôn mới về lĩnh vực thông tin và truyền thông)

Tại thời điểm 01/01/2023 đến ngày 15/12/2023 xã Bình An đã đạt hoàn thành các tiêu chí về đích nông thôn mới với lĩnh vực thông tin và truyền thông, cụ thể:

- Tiêu chí 8.1 Xã có điểm phục vụ bưu chính:

+ Về cơ sở vật chất: có hợp đồng đại lý cung cấp dịch vụ bưu chính số 39/HĐ-BĐHBS ngày 02/01/2019; có Quyết định 2299/QĐ-CT ngày 08/9/2003 của Chủ tịch UBND tỉnh về cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho Bưu điện Bình Sơn để xây dựng bưu điện văn hóa xã Bình An; hình ảnh minh chứng Bưu điện văn hóa xã đang hoạt động.

+ Về dịch vụ: Có xác nhận của Bưu điện huyện về dịch vụ thư có địa chủ nhận khối lượng đơn chiếc đến 2kg; dịch vụ hàng hóa kiện hàng đến 5kg.

- Tiêu chí 8.2 xã có dịch vụ viễn thông, internet: Có Công văn số 299/BĐHBS ngày 11/12/2023 của Trung tâm Viễn thông Bình Sơn về xác nhận có dịch vụ viễn thông internet ở tất cả các thôn trên địa bàn xã Bình An.

- Tiêu chí 8.3: xã có Đài truyền thanh và hệ thống loa đến các thôn

+ Có Quyết định số 939/QĐ-UBND ngày 17/01/2021 của UBND huyện Bình Sơn về việc công nhận chức danh người hoạt động không chuyên trách làm việc ở xã Bình An giữ chức danh Đài truyền thanh; có bản sao Giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện số 241737/TTKD ngày 27/06/2016 cấp lần đầu ngày 27/6/2016 có giá trị đến hết ngày 27/6/2026; có Quyết định số của UBND xã gồm: 499/QĐ-UBND ngày 02/11/2022 về thành lập đội ngũ cộng tác viên Đài truyền thanh xã Bình An, Quyết định số 498/QĐ-UBND ngày 02/11/2022 về thành lập Ban biên tập Đài truyền thanh xã Bình An, Quyết định số 347/QĐ-UBND ngày 16/06/2022 về thành lập Ban Quản lý Đài truyền thanh xã, Quyết định 348/QĐ-UBND ngày 16/6/2022 về Ban hành quy chế hoạt động Đài truyền thanh xã; Có danh sách các cụm loa truyền thanh đang hoạt động.

- Tiêu chí 8.4: xã có ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý điều hành: Có Quyết định phân công cán bộ phụ trách công nghệ thông tin, Có danh sách cán bộ, công chức xã, danh sách máy tính hiện đang sử dụng, số lượng máy tính đạt 85% trên người sử dụng; số hồ sơ giải quyết trực tuyến đạt 53% trên tổng số hồ sơ thủ tục hành chính.

2. Đối với xã Bình Thạnh (xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao về lĩnh vực thông tin và truyền thông)

2.1. Điểm phục vụ bưu chính đáp ứng cung cấp dịch vụ công trực tuyến cho người dân: có 02 điểm phục vụ bưu chính VNPT, Viettel.

2.2. Thuê bao sử dụng điện thoại thông minh: Xã có tỷ lệ dân số theo độ tuổi lao động có thuê bao sử dụng điện thoại thông minh đạt: 85% .

2.3. Dịch vụ báo chí, truyền thông xã đáp ứng đủ các điều kiện sau:

a) 100% thôn của xã có hệ thống loa hoạt động thường xuyên.

b) 100% số thôn trong xã có hộ gia đình thu xem được 01 trong số các phương thức truyền hình vệ tinh, cáp, số mặt đất, truyền hình qua mạng Internet: đạt;

c) Có ít nhất một điểm cung cấp xuất bản phẩm: 05 điểm pho tô.

2.4. Ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý, điều hành phục vụ đời sống kinh tế - xã hội. Xã đáp ứng đủ các điều kiện sau:

a) Tỷ lệ hồ sơ giải quyết trực tuyến trên tổng số hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính của xã đạt; 80%.

b) Tỷ lệ cán bộ, công chức cấp xã được bồi dưỡng, tập huấn kiến thức, kỹ năng số và an toàn thông tin đạt: 100%;

c) Tỷ lệ người dân trong độ tuổi lao động được phổ biến kiến thức về sử dụng máy tính và kỹ năng số cơ bản đạt: 70%;

d) 100% sản phẩm OCOP của xã được giới thiệu, quảng bá trên nền tảng sàn thương mại điện tử: 01 sản phẩm nước mắm Mười Quý.

3. Đối với xã Bình Trung (xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao về lĩnh vực thông tin và truyền thông)

3.1. Điểm phục vụ bưu chính đáp ứng cung cấp dịch vụ công trực tuyến cho người dân: có điểm phục vụ bưu chính.

3.2. Thuê bao sử dụng điện thoại thông minh:

Xã có tỷ lệ dân số theo độ tuổi lao động có thuê bao sử dụng điện thoại thông minh đạt: 85% .

3.3. Dịch vụ báo chí, truyền thông Xã đáp ứng đủ các điều kiện sau:

a) 100% thôn của xã có hệ thống loa hoạt động thường xuyên, có 06/06 thôn có hệ thống loa truyền thanh hoạt động và đều được phủ sóng Đài truyền thanh huyện; có giấy phép sử dụng thiết bị và tần số VTV (đối với hệ thống đài truyền thanh vô tuyến), với 18 cụm loa với 37 loa được bố trí tại 6 thôn trên địa bàn xã, đảm bảo 70% số thôn có hệ thống cụm loa truyền thanh hoạt động và đều được phủ sóng Đài truyền thanh huyện.

b) 100% số thôn trong xã có hộ gia đình thu xem được 01 trong số các phương thức truyền hình vệ tinh, cáp, số mặt đất, truyền hình qua mạng Internet: đạt;

c) Có điểm cung cấp xuất bản phẩm như các cơ sở photocopy.

3.4. Ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý, điều hành phục vụ đời sống kinh tế - xã hội. Xã đáp ứng đủ các điều kiện sau:

a) Tỷ lệ hồ sơ giải quyết trực tuyến trên tổng số hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính của xã đạt; 80%.

b) Tỷ lệ cán bộ, công chức cấp xã được bồi dưỡng, tập huấn kiến thức, kỹ năng số và an toàn thông tin đạt: 100%;

c) Tỷ lệ người dân trong độ tuổi lao động được phổ biến kiến thức về sử dụng máy tính và kỹ năng số cơ bản đạt: 70%;

d) 100% sản phẩm OCOP của xã được giới thiệu, quảng bá trên nền tảng sàn thương mại điện tử: Không có.

đ) 100% hộ gia đình, cơ quan, tổ chức, khu di tích được thông báo, gắn biển địa chỉ số đến từng điểm địa chỉ: Tại di tích chiến thắng Gò Sỏi

III. Triển khai đạt tỷ lệ xử lý văn bản, hồ sơ công việc (trừ hồ sơ mật) trên môi trường mạng:

Đối với các phòng, ban và tương đương thuộc UBND huyện và UBND các xã, thị trấn thuộc huyện thực hiện xử lý văn bản, hồ sơ công việc (trừ hồ sơ mật) trên môi trường mạng đạt tỷ lệ 100%.

(Có phụ lục kèm theo)

Trên đây là báo cáo thực hiện chỉ tiêu, nhiệm vụ được giao tại Quyết định số 03/QĐ-BCĐ ngày 07/6/2023 của Trưởng Ban Chỉ đạo Chuyển đổi số tỉnh về Năm dữ liệu số 2023, UBND huyện Bình Sơn kính báo cáo./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- CT, các PCT UBND huyện;
- Phòng VH&TT;
- VP HĐND&UBND: CVP, PCVP, CVTH;
- Lưu: VT, TH.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Phạm Quang Sự

PHỤ LỤC**Từ ngày: 01/01/2023 Đến ngày: 31/12/2023**

STT	Tên đơn vị	Văn bản đến					Văn bản đi				
		Tổng số văn bản đến	Hoàn toàn điện tử	Song song bản giấy - điện tử	VB Nội tỉnh - có ký số	VB Nội tỉnh - không ký số	Tổng số văn bản đi	Hoàn toàn điện tử	Song song bản giấy - điện tử	VB Nội tỉnh - có ký số	VB Nội tỉnh - không ký số
1	UBND huyện Bình Sơn	35273	35273	0	31858	2241	11845	11845	0	11779	66
2	Văn phòng HĐND&UBND huyện Bình Sơn	26352	26352	0	24115	1724	625	625	0	610	15
3	HĐND huyện Bình Sơn	1328	1328	0	944	384	255	255	0	234	21
4	Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Bình Sơn	19968	19968	0	17218	2286	2977	2977	0	2622	355
5	Phòng Nông Nghiệp -PTNT huyện Bình Sơn	13231	13231	0	11967	855	1657	1657	0	1566	91
6	Phòng Tư Pháp huyện Bình Sơn	7130	7130	0	6132	601	284	284	0	272	12
7	Phòng Y tế huyện Bình Sơn	5644	5643	1	4884	695	319	319	0	316	3
8	Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện Bình Sơn	20214	20202	12	18256	986	2722	2722	0	2700	22
9	Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Bình Sơn	10524	10524	0	7696	807	2328	2328	0	2160	168
10	Phòng Văn hóa và Thông tin Huyện Bình Sơn	7557	7557	0	6791	578	838	838	0	832	6
11	Phòng Kinh tế và Hạ tầng huyện Bình Sơn	13285	13285	0	11688	1164	2685	2684	1	2648	37

12	Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội huyện Bình Sơn	10272	10272	0	9127	748	1139	1139	0	1107	32
13	Thanh tra huyện Bình Sơn	7541	7541	0	6764	777	987	987	0	726	261
14	Phòng Nội vụ huyện Bình Sơn	12928	12928	0	10572	2356	1390	1390	0	1363	27
15	Trung tâm Truyền thông - Văn hóa - Thể thao huyện Bình Sơn	4377	4377	0	3944	433	321	321	0	314	7
16	Trung tâm phát triển quỹ đất huyện Bình Sơn	9721	9721	0	8091	1288	2248	2248	0	2201	47
17	Trung tâm GDNN-GDTX huyện Bình Sơn	3564	3564	0	3142	422	173	173	0	154	19
18	Ban Quản Lý các Dự án Đầu tư và Xây dựng huyện Bình Sơn	5280	5280	0	4701	579	1974	1974	0	1950	24
19	Ban Quản lý Cụm công nghiệp và Đô thị huyện Bình Sơn	4053	4053	0	3468	585	527	527	0	503	24
20	Trung tâm Chính trị huyện Bình Sơn	1432	1432	0	1307	125	30	30	0	0	30
21	Trung Tâm Dịch Vụ Nông Nghiệp Huyện Bình Sơn	4087	4087	0	3455	632	668	668	0	638	30
22	UBND xã Bình Minh	8206	8206	0	6780	1342	1766	1766	0	1717	49
23	UBND xã Bình Mỹ	7684	7684	0	6678	957	765	765	0	674	91
24	UBND xã Bình Khương	7804	7804	0	6698	1045	1161	1161	0	1111	50
25	UBND xã Bình Hiệp	8723	8723	0	6897	1763	949	949	0	767	182
26	UBND xã Bình An	8382	8382	0	7117	1209	1274	1274	0	1202	72
27	UBND thị trấn Châu Ô	10064	10063	1	7883	2067	1893	1893	0	1093	800
28	UBND xã Bình Trung	8972	8972	0	7362	1565	1196	1196	0	1091	105

29	UBND xã Bình Trị	9267	9265	2	7667	1547	739	739	0	701	38
30	UBND xã Bình Thuận	9986	9986	0	8620	1315	771	771	0	728	43
31	UBND xã Bình Phước	9055	9055	0	7377	1638	1154	1154	0	1122	32
32	UBND xã Bình Nguyên	8574	8574	0	7056	1466	1050	1050	0	999	51
33	UBND xã Bình Đông	9163	9163	0	8051	1063	1659	1659	0	1470	189
34	UBND xã Bình Tân Phú	9077	9077	0	7236	1786	892	892	0	838	54
35	UBND xã Bình Hòa	8913	8913	0	6911	1931	1109	1109	0	1029	80
36	UBND xã Bình Hải	9611	9611	0	7835	1681	1742	1742	0	1699	43
37	UBND xã Bình Dương	8052	8052	0	6965	1021	1106	1106	0	1067	39
38	UBND xã Bình Chương	7974	7974	0	6685	1230	1362	1362	0	1339	23
39	UBND xã Bình Châu	10279	10279	0	7481	2721	1262	1262	0	1183	79
40	UBND xã Bình Thanh	8695	8695	0	7129	1527	1014	1014	0	991	23
41	UBND xã Bình Long	8894	8894	0	6770	2057	1022	1022	0	988	34
42	UBND xã Bình Thạnh	9925	9925	0	7622	2246	1333	1333	0	1326	7
43	UBND xã Bình Chánh	9492	9492	0	7620	1799	1150	1150	0	1091	59